* 1. **Đặc tả usecase**
  2. **Đặc tả UC Đăng nhập/Đăng kí:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC001 | **Tên Use case** | Đăng nhập/Đăng kí |
| **Mô tả** | Là người dùng, tôi muốn sử dụng những dịch vụ của phần mềm bán đồ thể thao | | |
| **Tác nhân** | User | | |
| **Độ ưu tiên** | Bắt buộc phải có tài khoản, đăng nhập thành công thì mới sử dụng được hệ thống.  Nếu không có thì phải đăng ký tà khoản | | |
| **Tiền điều kiện** | Phần mềm được khởi chạy thành công | | |
| **Luồng sự kiện chính** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Mở form đăng nhập (nếu đã có tài khoản)  Hoặc mở form đăng ký (nếu chưa có tài khoản) | | 2. | Hệ thống | Mở giao diện đăng nhập/ đăng ký | | 3. | User | Nhập thông tin đăng nhập(username, password) hoặc điền các trường yêu cầu để đăng ký tài khoản | | 4. | User | Nhấn nút đăng nhập/đăng ký | | 5. | Hệ thống | Kiểm tra thông tin nhập vào | | 6. | Hệ thống | Mở ra giao diện ứng với thông tin người dùng nhập  (Thông báo tạo tài khoản thành công với trường hợp đăng ký) | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 6a. | Hệ thống | Đăng nhập: Thông báo lỗi: nhập username/password không đúng hoặc thiếu  Đăng ký: Thông báo: không nhập đủ các trường bắt buộc (trường hợp user nhập thiếu)/ không nhập đúng định dạng | | 6b. | Hệ thống | Người dùng chọn “Thoát” thì hủy quá trình đăng nhập/đăng kí | | | |
| **Hậu điều kiện** | Người dùng đăng nhập thành công và thực hiện các chức năng ứng với vai trò admin/ nhân viên/khách hàng | | |

* 1. **Đặc tả UC Quản lý tài khoản:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC002 | **Tên Use case** | Quản lý tài khoản |
| **Mô tả** | Là nhân viên/Admin, tôi muốn thêm, sửa hoặc xóa tài khoản | | |
| **Tác nhân** | Nhân viên, Admin | | |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản nhân viên/Admin | | |
| **Luồng sự kiện chính** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Chọn thêm user | | 2. | Hệ thống | Đưa ra form điền thông tin của người dùng như tên truy nhập, email, … | | 3. | User | Nhập các trường bắt buộc | | 4. | Hệ thống | Kiểm tra thông tin người dùng nhập có đúng định dạng, đầy đủ các trường bắt buộc, có bị trùng với user trong CSDL hay không… | | 5. | Hệ thống | Thêm tài khoản vào CSDL, thông báo thêm thành công |   **Thêm user:**  **Sửa user:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Chọn một user và nhấn sửa | | 2. | Hệ thống | Chuyển đến form sửa thông tin user | | 3. | User | Chỉnh sửa các thông tin, nhấn ok | | 4. | Hệ thống | Kiểm tra thông tin người dùng sửa có đúng định dạng, đầy đủ các trường bắt buộc,… | | 5. | Hệ thống | Cập nhập lại thông tin ở CSDL, thông báo chỉnh sửa thành công |   **Xóa user:** | | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Đưa ra lựa chọn ở đầu mỗi user, sau khi chọn được user cần xóa thì ấn nút delete ở cuối danh sách | | 2. | Hệ thống | Hiện hộp thoại xác nhận lại yêu cầu | | 3. | User | Nhấn ok để xác nhận xóa | | 4. | Hệ thống | Xóa user đã chọn, cập nhập lại danh sách trong database | | 5. | Hệ thống | Thông báo xóa thành công và hiển thị danh sách user cập nhật hiện tại | | | |
| **Luồng dữ liệu thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 5a. | Hệ thống | Thông báo lỗi nếu nhập thông tin thiếu, không đúng định dạng, bị trùng user…  Thông báo chưa chọn user nếu người dùng muốn sửa, xóa…. | | 5b. | Hệ thống | Người dùng chọn “hủy” thì hủy quá trình thêm/sửa/xóa user | | | |
| **Hậu điều kiện** | Danh sách user phải được cập nhật và hiển thị trong phần Quản lý tài khoản | | |

* 1. **Đặc tả Use case Quản lý nhân viên:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use Case** | UC003 | **Tên Use Case** | Quản lý nhân viên |
| **Mô tả** | Là Admin, tôi muốn thêm, sửa thông tin, xóa nhân viên hoặc xem thời gian làm việc, lương của nhân viên | | |
| **Tác nhân** | Admin | | |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản Admin | | |
| **Luồng sự kiện chính** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | Admin | Chọn thêm nhân viên | | 2. | Hệ thống | Đưa ra form điền thông tin của nhân viên như tên truy nhập, email, tên, tuổi… | | 3. | Admin | Nhập các trường bắt buộc | | 4. | Hệ thống | Kiểm tra thông tin nhập có đúng định dạng, đầy đủ các trường bắt buộc, có bị trùng với nhân viên nào trong CSDL hay không… | | 5. | Hệ thống | Cập nhập lại CSDL, thông báo thêm thành công |   **Thêm nhân viên:**  **Sửa thông tin nhân viên:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | Admin | Đưa ra lựa chọn ở đầu nhân viên, sau khi chọn thì ấn nút sửa thông tin | | 2. | Hệ thống | Đưa ra form chỉnh sửa thông tin của nhân viên | | 3. | Admin | Thay đổi thông tin cần sửa | | 4. | Hệ thống | Kiểm tra thông tin được sửa có đúng định dạng, đầy đủ các trường bắt buộc… | | 5. | Hệ thống | Cập nhập lại CSDL, thông báo sửa thành công |   **Quản lý ca làm việc và lương nhân viên:** | | |
| **Xóa nhân viên:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | Admin | Đưa ra lựa chọn ở đầu nhân viên, sau khi chọn thì ấn nút xem ca làm làm việc của nhân viên | | 2. | Hệ thống | Đưa ra danh sách thời gian và số giờ làm việc, lương của nhân viên |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | Admin | Đưa ra lựa chọn ở đầu mỗi nhân viên, sau khi chọn được nhân viên cần xóa thì ấn nút delete ở cuối danh sách | | 2. | Hệ thống | Hiển thị hộp thoại xác nhận xóa | | 3. | Admin | Nhấn ok để xóa nhân viên | | 4. | Hệ thống | Xóa nhân viên đã chọn, cập nhập lại danh sách | | 5. | Hệ thống | Hiển thị thông báo xóa thành công, hiển thị danh sách nhân viên | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 5a. | Hệ thống | Thông báo lỗi nếu nhập thông tin thiếu, không đúng định dạng, bị trùng nhân viên…  Thông báo chưa chọn nhân viên nếu người dùng muốn xóa/sửa.. | | 5b. | Hệ thống | Người dùng chọn “Hủy” thì hủy quá trình thêm/ sửa/xóa nhân viên | | | |
| **Hậu điều kiện** | Phần quản lý nhân viên phải cập nhật, làm mới danh sách nhân viên | | |

* 1. **Đặc tả Usecase Quản lý đồ uống:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use Case** | UC004 | **Tên Use Case** | Quản lý đồ uống |
| **Mô tả** | Là nhân viên/Admin, tôi muốn thêm, xóa, sửa đồ uống | | |
| **Tác nhân** | Nhân viên, Admin | | |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản dành cho nhân viên/Admin | | |
| **Luồng sự kiện chính** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Chọn thêm đồ uống | | 2. | Hệ thống | Đưa ra form điền thêm đồ uống như id, tên đồ uống, loại đồ uống, giá, mô tả đồ uống… | | 3. | User | Nhập các trường bắt buộc | | 4. | Hệ thống | Kiểm tra thông tin user nhập có đúng định dạng, đầy đủ các trường bắt buộc, có bị trùng với đồ uống trong CSDL hay không… | | 5. | Hệ thống | Thêm đồ uống vào CSDL, thông báo thêm thành công, hiển thị đồ uống trong Menu |   **Thêm đồ uống:** | | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Chọn đồ uống muốn xóa, nhấn delete drink để xóa đồ uống trong menu | | 2. | Hệ thống | Hiển thị hộp thoại xác nhận lại yêu cầu | | 3. | User | Xác nhận xóa | | 4. | Hệ thống | Xóa đi toàn bộ thông tin về đồ uống đó, cập nhập lại database | | 5. | Hệ thống | Thông báo xóa thành công, cập nhập lại danh sách đồ uống, hiển thị ở phần Menu |   **Xóa đồ uống:** | | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Chọn đồ uống muốn sửa, nhấn edit để chỉnh sửa đồ uống trong menu | | 2. | Hệ thống | Hiển thị form chỉnh sửa đồ uống | | 3. | User | Chỉnh sửa đồ uống, nhấn lưu | | 4. | Hệ thống | Kiểm tra dữ liệu chỉnh sửa có đúng định dạng, có thiếu hay không... | | 5. | Hệ thống | Lưu dữ liệu vào CSDL, thông báo sửa thành công, hiển thị ở phần Menu |   **Sửa đồ uống:** | | |
| **Luồng dữ liệu thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 5a. | Hệ thống | Thông báo lỗi nếu nhập thông tin thiếu, không đúng định dạng, bị trùng đồ uống (nếu thêm đồ uống), …  Thông báo chưa chọn đồ uống nếu người dùng muốn xóa/ sửa… | | 5b. | Hệ thống | Người dùng chọn “Hủy” thì hủy quá trình thêm/sửa/xóa đồ uống | | | |
| **Hậu điều kiện** | Phần thông tin về đồ uống phải được cập nhật, hiển thị danh sách đồ uống trên menu | | |

* 1. **Đặc tả UC Quản lý bán hàng:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC005 | Tên Use case | Quản lý Bán hàng |
| Mô tả | Là nhân viên/Admin, tôi muốn thêm, xóa, sửa hóa đơn | | |
| Tác nhân | Nhân viên/Admin | | |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản dành cho nhân viên/Admin | | |
| Luồng sự kiện chính | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | User | Nhấn tạo hóa đơn mới | | 2. | Hệ thống | Hiển thị danh mục menu | | 3. | User | Chọn các sản phẩm và số lượng, điền thông tin khách hàng, nhấm thêm vào đơn hàng | | 4 | Hệ thống | Lưu vào CSDL, thông báo tạo hóa đơn thành công | | 5 | Hệ thống | Hiển thị thông tin hóa đơn |   Tạo hóa đơn:  **Sửa hóa đơn:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | User | Chọn hóa đơn, nhấn sửa | | 2. | Hệ thống | Hiển thị form sửa thông tin hóa đơn | | 3. | User | Sửa lại thông tin, nhấn lưu | | 4 | Hệ thống | Kiểm tra các trường dữ liệu có thiếu, không đúng định dạng…. | | 5 | Hệ thống | Lưu vào CSDL, thông báo sửa hóa đơn thành công, hiển thị hóa đơn |   **Xóa hóa đơn:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | User | Chọn hóa đơn, nhấn xóa | | 2. | Hệ thống | Hiển thị hộp thoại xác nhận | | 3. | User | Xác nhận xóa | | 4 | Hệ thống | Cập nhập lại CSDL, thông báo xóa thành công | | 5 | Hệ thống | Hiển thị danh mục hóa đơn | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 5a. | Hệ thống | Người dùng chưa chọn đồ, hoặc chưa điền đầy đủ thông tin mà bấm “Hóa đơn” sẽ hiện thông báo lỗi | | | |
| Hậu điều kiện | Phần thông tin về hàng hóa phải được cập nhật, hiển thị danh sách hàng hóa | | |

* 1. **Đặc tả UC Quản lý kho:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use Case** | UC006 | **Tên Use Case** | Quản lý kho |
| **Mô tả** | Là Admin/Nhân viên, tôi muốn thêm, xóa, sửa hàng hóa | | |
| **Tác nhân** | Admin/Nhân viên | | |
| **Tiều điều kiện** | Đã đăng nhập vào tài khoản admin/nhân viên | | |
| **Luồng sự kiện chính** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Chọn thêm hàng hóa | | 2. | Hệ thống | Đưa ra form điền thêm hàng hóa như id, tên nguyên liệu, giá, khối lượng… | | 3. | User | Nhập các trường bắt buộc | | 4. | Hệ thống | Kiểm tra thông tin người dùng nhập có đúng định dạng, đầy đủ các trường bắt buộc hay không… | | 5. | Hệ thống | Thêm hàng hóa vào CSDL, thông báo thêm thành công, hiển thị danh mục hàng hóa |   Thêm hàng hóa: | | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Click vào hàng hóa muốn xóa, nhấn delete để xóa hàng hóa trong danh sách | | 2. | Hệ thống | Hiển thị hộp thoại xác nhận | | 3. | User | Xác nhận xóa | | 4. | Hệ thống | Xóa đi toàn bộ thông tin về hàng hóa đó, thông báo đã xóa thành công | | 5. | Hệ thống | Cập nhập lại danh sách hàng hóa, hiển thị ở phần danh mục hàng hóa |   **Xóa hàng hóa:**  Sửa hàng hóa:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | Admin | Click vào hàng hóa muốn sửa, nhấn edit để chỉnh sửa | | 2. | Hệ thống | Hiển thị form chỉnh sửa hàng hóa, sau khi admin chỉnh sửa hệ thống sẽ lưu lại và hiển thị trên Menu | | 3. | Admin | Chỉnh sửa thông tin, nhấn lưu | | 4. | Hệ thống | Kiểm tra dữ liệu chỉnh sửa có đúng định dạng, có thiếu hay không... | | 5. | Hệ thống | Lưu dữ liệu vào CSDL, thông báo sửa thành công, hiển thị ở phần danh mục hàng hóa | | | |
|  | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 5a. | Hệ thống | Thông báo lỗi nếu nhập thông tin thiếu, không đúng định dạng, bị trùng hàng hóa(nếu thêm hàng hóa)…  Thông báo chưa chọn hàng hóa nếu người dùng muốn xóa, sửa… | | 5b. | Hệ thống | Người dùng chọn “Hủy” thì hủy quá trình thêm/sửa/xóa hàng hóa | | | |
| **Hậu điều kiện** | Phần thông tin về hàng hóa phải được cập nhật, hiển thị danh sách hàng hóa | | |

* 1. **Đặc tả UC đặt hàng (Vai trò Khách hàng):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use Case** | UC007 | **Tên Use Case** | Đặt hàng |
| **Mô tả** | Là khách hàng, tôi muốn thêm đồ uống vào giỏ hàng, xóa đồ uống khỏi giỏ hàng, sửa số lượng, loại đồ uống | | |
| **Tác nhân** | Khách hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Đã đăng nhập vào hệ thống với tư cách khách hàng | | |
| **Luồng sự kiện chính** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | Khách hàng | Chọn đồ uống, bấm thêm vào giỏ hàng | | 2. | Hệ thống | Đưa ra yêu cầu chọn số lượng đồ uống muốn thêm vào | | 3. | Khách hàng | Nhập số lượng cần mua | | 4. | Hệ thống | Cập nhập CSDL, thêm đồ uống vào đơn hàng của khách, hiển thị giỏ hàng của khách |   **Thêm sản phẩm vào giỏ hàng:** | | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | Khách hàng | Click vào đồ uống muốn xóa, nhấn delete để xóa | | 2. | Hệ thống | Hiện thị hộp thoại xác nhận | | 3. | Khách hàng | Xác nhận xóa | | 4. | Hệ thống | Xóa đồ uống trong giỏ hàng,thông báo xóa thành công, cập nhập lại giỏ hàng |   **Xóa sản phẩm trong giỏ hàng:**  **Sửa số lượng, loại sản phẩm:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Click vào đồ uống muốn sửa, nhấn edit để chỉnh sửa số lượng, loại… | | 2. | Hệ thống | Hiển thị thông tin về số lượng, loại đồ uống mà khách chọn | | 3. | User | Chỉnh sửa thông tin, nhấn lưu | | 4. | Hệ thống | Lưu dữ liệu vào CSDL, thông báo sửa thành công, cập nhập lại giỏ hàng | | | |
|  | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 4a. | Hệ thống | Thông báo lỗi nếu chưa chọn đồ uống, chưa chọn loại mà đã thêm (nếu thê đồ vào giỏ hàng)…  Thông báo chưa chọn đồ uống nếu người dùng muốn xóa, sửa… | | 4b. | Hệ thống | Người dùng chọn “Hủy” thì hủy quá trình thêm/sửa/xóa đồ uống trong giỏ hàng | | | |
| **Hậu điều kiện** | Hệ thống đáp ứng được nhu cầu của khách hàng (thêm,sửa, xóa đồ uống trong giỏ hàng….) | | |

* 1. **Đặc tả UC thống kê:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use Case** | UC008 | **Tên Use Case** | Thống kê |
| **Mô tả** | Là Admin/Nhân viên, tôi muốn thống kê doanh thu của của quán sau 1 ngày,thống kê feedback, số lượng order của mỗi khách trong ngày/tháng… | | |
| **Tác nhân** | Admin/Nhân viên | | |
| **Tiền điều kiện** | Đã đăng nhập vào tài khoản Admin/Nhân viên | | |
| **Basic Flow** | **Thống kê doanh thu:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Chọn “Thống kê” | | 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện thống kê | | 3. | User | Nhập doanh thu, khoảng thời gian cần thống kê | | 4. | Hệ thống | Truy vấn CSDL, hiển thị doanh thu và danh sách hóa đơn theo yêu cầu thống kê của user | | | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Chọn “Thống kê” | | 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện thống kê | | 3. | User | Nhập sản phẩm bán chạy, khoảng thời gian cần thống kê | | 4. | Hệ thống | Truy vấn CSDL, hiển thị danh sách các mặt hàng bán chạy |   **Thống kê sản phẩm bán chạy:** | | |
|
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 4a. | Hệ thống | Thông báo lỗi nếu chưa nhập trường cần thống kê | | 4b. | Hệ thống | Người dùng chọn “Hủy” thì hủy quá trình thống kê | | | |
| **Hậu điều kiện** | Hệ thống hiển thị bảng thống kê theo yêu cầu của người dùng | | |

* 1. **Đặc tả UC feedback:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use Case** | UC009 | **Tên Use Case** | Feedback |
| **Mô tả** | Là khách hàng, tôi muốn thêm,sửa, xóa feedback về một đồ uống hoặc quán | | |
| **Tác nhân** | Khách hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Đã đăng nhập vào tài khoản khách, với trường hợp thêm thì yêu cầu khách đã từng sử dụng sản phẩm của quán, với trường hợp xóa và chỉnh sửa feedback thì yêu cầu khách đã đã thêm feedback trước đó | | |
| **Luồng sự kiện chính** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Chọn add feedback | | 2. | Hệ thống | Hiển thị form feedback gồm: đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ, độ hài lòng của khách hàng, góp ý thêm về sản phẩm/quán…. | | 3. | User | Nhập các trường yêu cầu, nhấn gửi feedback | | 4. | Hệ thống | Kiểm tra các trường dữ liệu bắt buộc, thêm vào CSDL, hiển thị feedback lên phần blog |   **Thêm feedback:** | | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Click vào feedback đã gửi, nhấn delete để xóa feedback trong phần blog | | 2. | Hệ thống | Hiển thị hộp thoại xác nhận | | 3. | User | Xác nhận xóa | | 4. | Hệ thống | Xóa đi toàn bộ thông tin về feedback đó, thông báo đã xóa thành công, cập nhập lại blog |   **Xóa feedback**  **Chỉnh sửa feedback:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | User | Click vào feedback đã gửi, nhấn edit để chỉnh sửa feedback trong phần blog | | 2. | Hệ thống | Hiển thị form chỉnh sửa | | 3. | User | Chỉnh sửa feedback của mình, nhấn lưu | | 4. | Hệ thống | Chỉnh sửa CSDL, thông báo chỉnh sửa thành công, hiển thị feedback đã chính sửa lên blog | | | |
|  | | |
| **Luồng dữ liệu thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 4a. | Hệ thống | Thông báo lỗi nếu nhập thông tin thiếu, không đúng định dạng,  Thông báo chưa chọn feedback để xóa, sửa nếu người dùng muốn xóa, sửa… | | 4b. | Hệ thống | Người dùng chọn “Hủy” thì hủy quá trình thêm/sửa/xóa feedback | | | |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị hoặc cập nhập feedback của khách, xóa feedback nếu khách hàng thực hiện chức năng xóa | | |

* 1. **Đặc tả UC Quản lý Khách hàng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0010 | Tên Use case | Quản lý Khách hàng |
| Mô tả | Là nhân viên/Admin, tôi muốn xem thông tin hoặc xóa khách hàng | | |
| Tác nhân | Admin/Nhân viên | | |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công với vai trò Admin/Nhân viên | | |
| Xem thông tin khách hàng:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Luồng sự kiện chính | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | User | Chọn một khách hàng và yêu cầu xem thông tin | | 2. | Hệ thống | Hiển thị thông tin khách hàng | | | | | **Luồng sự kiện thay thế** | 2a | Hệ thống | Thông báo lỗi: chưa chọn khách hàng để xem thông tin chi tiết |   Xóa:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Luồng sự kiện chính | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | User | Chọn 1 khách hàng và yêu cầu xóa khách hàng | | 2. | Hệ thống | Hiện hộp thoại xác nhận lại yêu cầu | | 3. | User | Xác nhận xóa | | 4. | Hệ thống | Xóa khách hàng và cập nhật lại database | | 5. | Hệ thống | Hiển thị danh sách khách hàng cập nhật hiện tại | | **Luồng sự kiện thay thế** | 5a | Hệ thống | Thông báo lỗi: chưa chọn khách hàng đã nhấn xóa | | | | |
| Hậu điều kiện | Danh sách khách hàng được cập nhập (trong trường hợp xóa) | | |